

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KỲ I – MÔN TIN HỌC - KHỐI 12
NĂM HỌC 2024 - 2025

BÀI 1. LÀM QUEN VỚI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Hệ chuyên gia MYCIN là hệ chuyên gia thuộc lĩnh vực:

- A. Viễn thông
- B. Y học
- C. Sản xuất
- D. Giáo dục

Câu 2. Trợ lý ảo của Samsung là:

- A. Siri
- B. Bixby
- C. Cortana
- D. Alexa

Câu 3. Robot hình người đầu tiên trên thế giới được tích hợp một loạt ứng dụng AI là:

- A. Asimo.
- B. Sophia
- C. Apollo
- D. Valkyrie.

Câu 4. Phần mềm Google Assistant là ứng dụng tiêu biểu nào của AI?

- A. Nhận dạng chữ viết tay.
- B. Nhận dạng khuôn mặt
- C. Google dịch
- D. Trợ lý ảo

Câu 5. Các đặc trưng cơ bản của AI là:

- A. Khả năng học; khả năng suy diễn; khả năng nhận thức; khả năng hiểu ngôn ngữ; khả năng giải quyết vấn đề.
- B. Khả năng đọc; khả năng suy luận; khả năng nhận thức; khả năng hiểu ngôn ngữ; khả năng giải quyết vấn đề.
- C. Khả năng học; khả năng suy luận; khả năng nhận thức; khả năng hiểu ngôn ngữ; khả năng giải quyết vấn đề.
- D. Khả năng học; khả năng suy luận; khả năng nhận thức; tư duy; khả năng giải quyết vấn đề.

Câu 6 . Vào năm 1950, nhà khoa học nào đã đưa ra phép thử, bước đầu có được cách để đánh giá khả năng của máy tính trong việc thể hiện hành vi thông minh?

- A. Alan Turing
- B. Albert Einstein
- C. Isaac Newton
- D. Blaise Pascal

Câu 7. Theo chức năng có thể chia AI thành bao nhiêu loại?

- A. Bốn loại
- B. Ba loại
- C. Năm loại
- D. Hai loại

Câu 8. Các máy tìm kiếm thông tin trên Internet như Google, Bing có thể hiểu yêu cầu tra cứu của người dùng được đưa vào bằng văn bản hay bằng tiếng nói. Đây là khả năng:

- A. Suy luận
- B. Nhận thức
- C. Hiểu ngôn ngữ
- D. Giải quyết vấn đề

Câu 9. Chọn định nghĩa đúng về AI.

- A. AI là khả năng của máy tính có thể làm những công việc mang tính trí tuệ của con người như đọc chữ, hiểu tiếng nói, dịch thuật, lái xe hay khả năng học và ra quyết định,...
- B. AI là khả năng của con người có thể làm những công việc mang tính trí tuệ của máy tính như đọc chữ, hiểu tiếng nói, dịch thuật, lái xe hay khả năng học và ra quyết định,...
- C. AI là khả năng của máy tính có thể làm những công việc mang tính trí tuệ của máy tính như đọc chữ, hiểu tiếng nói, dịch thuật, lái xe hay khả năng học và ra quyết định,...
- D. AI là khả năng của con người có thể làm những công việc mang tính trí tuệ của con người như đọc chữ, hiểu tiếng nói, dịch thuật, lái xe hay khả năng học và ra quyết định,...

Câu 10. Trí tuệ nhân tạo hẹp hay còn gọi là:

- A. Trí tuệ nhân tạo nhỏ
- B. Trí tuệ nhân tạo mạnh
- C. Trí tuệ nhân tạo tổng quát
- D. Trí tuệ nhân tạo yếu

Câu 11. Các ứng dụng tiêu biểu của AI là:

- A. Hệ chuyên gia MYCIN; robot Ajino; google dịch; nhận dạng khuôn mặt; nhận dạng chữ viết tay; trợ lý ảo.
- B. Hệ chuyên gia MYCIN; robot Asimo; google dịch; nhận dạng khuôn mặt; nhận dạng chữ viết tay; trợ lý ảo.
- C. Hệ chuyên gia MYCIN; robot Asimo; google dịch; nhận dạng khuôn mặt; nhận dạng chữ viết tay; trợ lý thật.
- D. Hệ chuyên gia MACINTOS; robot Asimo; google dịch; nhận dạng khuôn mặt; nhận dạng chữ viết tay; trợ lý ảo.

Câu 12. Khi nói tới AI người ta thường nói tới khả năng máy móc có thể thực hiện nhiều công việc một cách tự động. Tuy nhiên, không phải bất kỳ hệ thống tự động hóa nào cũng có thể được coi là AI. Trong các ví dụ dưới đây, trường hợp nào được coi là ứng dụng của AI?

- A. Ấm đun nước tự ngắt điện khi nước sôi.
- B. Cửa ra vào ở một số siêu thị nhà hàng hay văn phòng tự động mở khi có người tới gần.
- C. Những guồng nước (bánh xe nước, Hình 1.1) ở trong một số vùng quê, nhờ dòng chảy tự nhiên của khe suối hay kênh, ngòi; quay, chuyển nước lên các đường dẫn đi xa để phục vụ nhu cầu tưới tiêu hoặc sinh hoạt.
- D. Tìm kiếm thông tin trên internet nhờ máy tìm kiếm.

Câu 13. Phương án nào sau đây là ứng dụng AI trong lĩnh vực y học?

- A. Dịch thuật
- B. Bảo mật thông tin
- C. Nhận dạng biển số xe
- D. Xác định các bất thường trên hình ảnh CT/MRI sọ não

Câu 14. Phương thức nào sau đây không phải là ứng dụng AI trong lĩnh vực sản xuất?

- A. Điều phối điều trị.
- B. Quản lí tồn kho và dự báo nhu cầu
- C. Kiểm tra chất lượng sản phẩm
- D. Tối ưu hóa quá trình lắp ráp

Câu 15. Siri không có chức năng nào sau đây?

- A. Đặt báo thức
- B. Gọi điện thoại
- C. Tìm kiếm
- D. Thanh toán hóa đơn

Câu 16: Thị giác máy tính (tiếng Anh: Computer vision), là một lĩnh vực trong khoa học máy tính và trí tuệ nhân tạo (AI) tập trung vào việc phát triển phương pháp và công nghệ để máy tính có khả năng nhận diện, hiểu và xử lý hình ảnh và video một cách tự động. Thị giác máy tính sử dụng các thuật toán và mô hình học máy để phân tích và rút trích thông tin từ dữ liệu hình ảnh, như các đặc trưng, đối tượng, mối quan hệ và bối cảnh. Vậy theo em, thị giác máy tính thực hiện được tác vụ nào sau đây?

- A. Dự báo thời tiết.
- B. Tăng độ nét và làm mịn ảnh.
- C. Phân tích hình ảnh y tế.
- D. Nhận dạng giọng nói.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Khả năng nắm bắt thông tin từ dữ liệu và điều chỉnh hành vi dựa trên thông tin mới là khả năng:

- a) Suy luận
- b) Học
- c) Nhận thức
- d) Hiểu ngôn ngữ

Câu 2. Một trong số những ứng dụng thú vị và hữu ích của AI là các phần mềm được gọi tên chung là “Trợ lí ảo” như:

- a) Cortana của Intel S
- b) Google Assistant của Google Đ
- c) Bixby của Microsoft S
- d) Siri của Apple Đ

BÀI 2. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Ứng dụng nào của AI sử dụng hình ảnh để tương tác. Chọn đáp án SAI.

- A. Nhận diện khuôn mặt
- B. Chẩn đoán y khoa bằng hình ảnh
- C. Xe tự lái
- D. Tài xế lái xe công nghệ

Câu 2. Nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ và đời sống đã và đang nhận được rất nhiều lợi ích từ sự phát triển của AI. Dưới đây là một vài lĩnh vực tiêu biểu. Hãy chọn câu đúng nhất.

- A. Hệ chuyên gia; Y học và chăm sóc sức khỏe; Giao thông vận tải; Tài chính, ngân hàng; Sản xuất; Y tế.
- B. Hệ chuyên gia; Y học và chăm sóc sức khỏe; Giao thông vận tải; Tài chính, ngân hàng; Sản phẩm; Giáo dục.
- C. Hệ chuyên nghiệp; Y học và chăm sóc sức khỏe; Giao thông vận tải; Tài chính, ngân hàng; Sản xuất; Giáo dục.
- D. Hệ chuyên gia; Y học và chăm sóc sức khỏe; Giao thông vận tải; Tài chính, ngân hàng; Sản xuất; Giáo dục.

Câu 3. Sự kết hợp IoT và AI (AIoT) cho phép các nhà khoa học giám sát môi trường ... và theo dõi tình hình ... khí hậu. Điền cụm từ còn thiếu vào các dấu ba chấm.

- A.... thiên nhiên ... biến đổi ...
- B.... tự nhiên ... thay đổi ...

C.... thiên nhiên ... thay đổi ...

D.... tự nhiên ... biến đổi ...

Câu 4. Chat GPT hoạt động tốt nhất trong các ngôn ngữ phổ biến và có nhiều dữ liệu huấn luyện, chẳng hạn như:

- A. Tiếng Anh, Trung, Pháp, Đức, Ý và một số ngôn ngữ khác.
- B. Tiếng Việt, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Ý và một số ngôn ngữ khác.
- C. Tiếng Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Ý và một số ngôn ngữ khác.
- D. Tiếng Việt, Trung, Hàn, Anh, Pháp và một số ngôn ngữ khác.

Câu 5. Trong công nghiệp, AI giúp tự động hóa nhiều quá trình, từ chế tạo, lắp ráp, kiểm tra chất lượng đến quản lý chuỗi cung ứng. Phát biểu trên thuộc lĩnh vực nào?

- A. Sản xuất
- B. Giáo dục
- C. Giao thông vận tải
- D. Tài chính, ngân hàng

Câu 6. Các thành tựu hiện tại (tính đến năm 2024) của AI nói chung đều thuộc phạm vi:

- A. Trí tuệ nhân tạo mạnh
- B. Trí tuệ nhân tạo tổng quát
- C. Trí tuệ nhân tạo hẹp
- D. Trí tuệ nhân tạo rộng

Câu 7. Các chuyên gia y tế khẳng định phần mềm ... đã góp phần nâng cao hiệu quả điều trị ung thư. Điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. WHO Watson for Oncology
- B. Intel Watson for Oncology
- C. WTO Watson for Oncology
- D. IBM Watson for Oncology

Câu 8. Bên cạnh những lợi ích to lớn, sự phát triển của AI còn kéo theo những nguy cơ cần được cảnh báo nào sau đây?

- A. Áp lực thất nghiệp; Ảnh hưởng quyền riêng tư; Khả năng thiếu minh bạch; Rủi ro về an ninh, an toàn.
- B. Áp lực kinh tế; Ảnh hưởng quyền riêng tư; Khả năng thiếu minh bạch; Rủi ro về an ninh, an toàn.
- C. Áp lực thất nghiệp; Ảnh hưởng quyền ưu tiên; Khả năng thiếu minh bạch; Rủi ro về an ninh, an toàn.
- D. Áp lực thất nghiệp; Ảnh hưởng quyền riêng tư; Khả năng thiếu chuyên nghiệp; Rủi ro về an ninh, an toàn.

Câu 9. Chat GPT là một hệ thống xử lý ngôn ngữ tiên tiến do ... phát triển. Điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. Intel
- B. Google
- C. OpenAI
- D. IBM

Câu 10. AI được sử dụng để phát triển các nền tảng học tập được cá nhân hóa và hỗ trợ đánh giá kết quả học tập. Phát biểu trên thuộc lĩnh vực nào?

- A. Tài chính, ngân hàng
- B. Giáo dục
- C. Sản xuất
- D. Y học và chăm sóc sức khỏe

Câu 11. Sự kết hợp IoT và AI (AIoT) giúp ích cho các nhà khoa học như thế nào?

- A. Hỗ trợ quyết định đầu tư, phát hiện và ngăn chặn gian lận, nâng cao trải nghiệm khách hàng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
- B. Cải thiện hiệu suất, hiệu quả của các lĩnh vực sản xuất.
- C. Giúp giám sát môi trường tự nhiên và theo dõi tình hình biến đổi khí hậu.
- D. Phát triển các nền tảng học trực tuyến thông minh.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Vì sao cần ngăn cấm việc giao toàn quyền quyết định cho AI điều khiển vũ khí sát thương?

- a) Đe dọa cho an ninh toàn cầu
- c) Rủi ro mất kiểm soát
- b) Sự cố kỹ thuật và hiểu biết hạn chế
- d) Lợi ích cá nhân

Câu 2. AI được sử dụng để cải thiện chất lượng hình ảnh y tế, làm nổi bật những cấu trúc bất thường bên trong cơ thể, thực hiện đo đạc các chỉ số lâm sàng, hỗ trợ đưa ra các chẩn đoán và hướng điều trị chính xác, kịp thời. Phát biểu trên thuộc lĩnh vực nào?

- a) Giáo dục
- c) Hệ chuyên gia
- b) Y tế và chăm sóc sức khỏe
- d) Sản xuất

BÀI 3. MỘT SỐ THIẾT BỊ MẠNG THÔNG DỤNG

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Muốn kết nối các máy tính trong phạm vi gia đình thành một mạng, nên dùng loại thiết bị nào sau đây?

- A. Switch
- B. WAP

C. Modem

D. Router

Câu 2. Xem hình 3.9 bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



A.a)-Giao diện trên Windows 11, b)-Giao diện trên Android, c)-Giao diện trên iOS.

B. a)-Giao diện trên iOS, b)-Giao diện trên Android, c)-Giao diện trên Windows 11.

C. a)-Giao diện trên Windows 11, b)-Giao diện trên iOS, c)- Giao diện trên Android.

D. a)-Giao diện trên Android, b)-Giao diện trên Windows 11, c)- Giao diện trên iOS.

Câu 3. Chọn đáp án SAI. Thiết bị nào sau đây là thiết bị mạng thông dụng?

A. Laptop

B. Router

C. Switch

D. Hub

Câu 4. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau:

A. Switch là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.

B. Modem là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.

C. Router là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.

D. Hub là thiết bị có chức năng chuyển đổi tín hiệu số thành tín hiệu tương tự và ngược lại.

Câu 5. Xem hình 3.8 bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



Hình 3.8. Giắc cắm và cổng RJ45

A. 1-Cổng RJ45, 2-Giắc cắm RJ45, 3-Cáp UTP

B. 1-Cáp UTP, 2-Giắc cắm RJ45, 3-Cổng RJ45

C. 1-Cổng RJ45, 2-Cáp UTP, 3-Giắc cắm RJ45

D. 1-Giắc cắm RJ45, 2-Cổng cắm RJ45, 3-Cáp UTP

Câu 6. Có bao nhiêu loại kết nối máy tính với các thiết bị mạng phổ biến hiện nay?

A. 3 loại

B. 2 loại

C. 5 loại

D. 4 loại

Câu 7. Các thiết bị mạng thông dụng gồm:

A. Hub, Laptop, Wireless Access Point, Router, Modem

B. Hub, Switch, Wireless Access Point, Router, Điện thoại thông minh

C. Hub, Switch, Wireless Access Point, Router, Modem

D. Máy ảnh số, Switch, Wireless Access Point, Router, Modem

Câu 8. Wi-Fi là một bộ tiêu chuẩn kỹ thuật truyền dữ liệu bằng ... được sử dụng rộng rãi trong các mạng cục bộ. Điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

A. Cáp xoắn đôi

B. Sóng vô tuyến điện

C. Cáp đồng trục

D. Đường dây điện thoại

Câu 9. Loại modem nào cho phép nối hai máy tính qua hệ thống chuyển mạch của mạng điện thoại công cộng?

- A. Modem quay số.
- B. Modem GSM 3G, 4G, 5G,...
- C. Modem ADSL.
- D. Modem quang.

Câu 10. Điểm khác nhau của Hub và Switch là ở:

- A. Số cổng kết nối
- B. Hình dáng thiết bị
- C. Cách thức hoạt động
- D. Màu sắc thiết bị

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Máy tính (kể cả các thiết bị di động) có thể kết nối vào mạng bằng cáp tín hiệu hoặc qua sóng Wi-Fi.

- a) Wi-Fi là chữ viết tắt của cụm từ Wireless Fidelity.
- b) Hầu hết các máy tính để bàn đều có sẵn khả năng kết nối Wi-Fi như máy tính xách tay hay điện thoại thông minh.
- c) Để máy tính trong LAN có thể giao tiếp với Internet thì chỉ cần cắm cáp mạng UTP vào cổng RJ45 của máy tính.
- d) Muốn kết nối thiết bị di động vào LAN bằng một trạm thu phát Wi-Fi được bảo mật, ta cần gõ đúng mật khẩu của trạm thu phát Wi-Fi đó.

Câu 2. Thiết bị mạng đảm bảo kết nối các máy tính, thiết bị thông minh,... tạo thành mạng máy tính.

- a) Wi-Fi là thiết bị kết nối không dây trong mạng cục bộ.
- b) Khi máy tính gửi dữ liệu qua một cổng của switch, tín hiệu sẽ được gửi đến tất cả các cổng còn lại.
- c) Mỗi router có một số cổng có thể kết nối trực tiếp vào LAN gọi là cổng LAN.
- d) Modem quay số (dial-up) được sử dụng rất phổ biến để kết nối Internet tốc độ cao trước khi cáp quang được dùng rộng rãi.

BÀI 4. GIAO THỨC MẠNG

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Có bao nhiêu phương pháp “định tuyến”?

- A. 2 phương pháp định tuyến.
- B. 4 phương pháp định tuyến.
- C. 1 phương pháp định tuyến.
- D. 3 phương pháp định tuyến.

Câu 2. Tập hợp các quy định cách thức giao tiếp giữa các đối tượng tham gia truyền nhận dữ liệu qua mạng gọi là giao thức mạng (network protocol) hay còn gọi là

- A. Giao thức IMAP
- B. Giao thức POP3
- C. Giao thức SMTP
- D. Giao thức truyền thông

Câu 3. Việc trao đổi dữ liệu giữa các máy tính trong mạng cục bộ cũng tuân thủ theo một giao thức, gọi là Ethernet với một số quy định chính như sau:

- A. Quy định về địa chỉ; quy định về mã kiểm tra; quy định khung truyền dữ liệu; quy định về cách thức xử lý các cuộc truyền khi xảy ra xung đột tín hiệu.
- B. Quy định về thời gian; quy định về mã kiểm tra; quy định khung truyền dữ liệu; quy định về cách thức xử lý các cuộc truyền khi xảy ra xung đột tín hiệu.
- C. Quy định về địa chỉ; quy định về mã kiểm tra; quy định khung nhận dữ liệu; quy định về cách thức xử lý các cuộc truyền khi xảy ra xung đột tín hiệu.
- D. Quy định về địa chỉ; quy định về mã chính tả; quy định khung truyền dữ liệu; quy định về cách thức xử lý các cuộc truyền khi xảy ra xung đột tín hiệu.

Câu 4. Xác định địa chỉ IP tương ứng ở dạng thập phân của địa chỉ sau: 11000000 10101000 00001101 11010010

- A. 131.214.23.16
- B. 192.168.13.210
- C. 192.168.13.200
- D. 192.168.13.10

Câu 5. Lập địa chỉ và định tuyến theo địa chỉ là các quy tắc đảm bảo liên kết các LAN trong phạm vi toàn cầu. Chúng làm thành giao thức liên mạng, viết tắt là:

- A. SMTP
- B. POP3
- C. TCP
- D. IP

Câu 6. Phát biểu nào sau đây “đúng” khi nói về địa chỉ MAC và địa chỉ IP.

- A. MAC là địa chỉ 6 byte, IP là địa chỉ 4 byte.
- B. MAC là địa chỉ 4 byte, IP là địa chỉ 4 byte.
- C. MAC là địa chỉ 4 byte, IP là địa chỉ 6 byte.
- D. MAC là địa chỉ 5 byte, IP là địa chỉ 4 byte.

Câu 7. Giao thức mạng là tập hợp các ... về cách thức giao tiếp để truyền dữ liệu giữa các đối tượng tham gia mạng. Điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. Nội dung
- B. Quy định
- C. Quy tắc
- D. Quy ước

Câu 8. Internet là mạng toàn cầu hoạt động theo giao thức

- A. SMTP
- B. TCP/IP
- C. HTTP
- D. DNS

Câu 9. Giao thức ... đảm bảo việc truyền dữ liệu theo từng ứng dụng một cách chính xác, tin cậy và hiệu quả. Điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. DNS
- B. HTTP
- C. IP
- D. TCP

Câu 10. Mỗi thiết bị tham gia Internet đều phải có địa chỉ. Hiện nay (2024) có bao nhiêu loại địa chỉ IP?

- A. 4 loại
- B. 1 loại
- C. 3 loại
- D. 2 loại

Câu 11: Lệnh nào của giao thức ICMP (Internet Control Message Protocol) giúp kiểm tra máy tính có kết nối được với một máy tính hay một thiết bị mạng hay không?

- A. touch.
- B. mkdir.
- C. ping.
- D. tracert.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Những quy định nào sau đây cần có với vai trò là giao thức mạng trên Internet?

- a) Quy định người dùng phải trả phí cho các dịch vụ trao đổi dữ liệu theo khối lượng.
- b) Các máy tính cần có địa chỉ và quy định cách tìm đường để dữ liệu được truyền chính xác tới máy nhận trên phạm vi toàn cầu.
- c) Quy định các cá nhân, tổ chức phải đăng ký sử dụng các dịch vụ truyền dữ liệu trên Internet.
- d) Quy định chia dữ liệu thành các gói tương tự như giao thức Ethernet, ngoài dữ liệu trao đổi có kèm các dữ liệu địa chỉ nơi gửi, nơi nhận, mã kiểm tra để kiểm soát chất lượng truyền dữ liệu.

Câu 2. Mỗi thiết bị tham gia mạng đều có một địa chỉ bằng số khác nhau đi theo phần cứng, gọi là địa chỉ

- a) Mạng
- b) MAC
- c) Phần cứng
- d) IP

BÀI 5 - THỰC HÀNH CHIA SẺ TÀI NGUYÊN TRÊN MẠNG

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Một kĩ thuật viên giới thiệu quy trình thực hiện công việc liên quan đến lắp đặt mạng bao gồm các bước sau đây:

Bước 1: Chuẩn bị cáp mạng và cổng Ethernet trên máy tính.

Bước 2: Kết nối cáp mạng vào cổng Ethernet trên máy tính, đầu còn lại cắm vào cổng trên bộ định tuyến hoặc bộ chuyển mạch.

Bước 3: Đảm bảo cáp mạng được cắm chặt vào cả hai thiết bị và đèn LED trên cổng Ethernet của máy tính sáng lên.

Bước 4: Trên máy tính, thực hiện kiểm tra kết nối.

Thực hiện quy trình trên và cho biết công việc được thực hiện có mục đích gì?

- A. Kết nối máy tính với mạng qua cáp Ethernet.
- B. Cài đặt một trình duyệt web.
- C. Thiết lập một máy chủ web.
- D. Chia sẻ máy in giữa các máy tính qua mạng LAN.

Câu 2: Trong phòng thực hành Tin học của trường học có các máy tính được kết nối với nhau thành một mạng LAN và chỉ có duy nhất một máy in. Quy trình nào sau đây thực hiện kết nối và thiết lập máy tính của giáo viên thành máy cung cấp dịch vụ in cho các máy tính khác trong phòng máy? Hãy chọn đáp án đúng nhất.

- A. Kết nối máy in với máy tính qua dây kết nối → Cấu hình chia sẻ máy in → Kết nối máy tính với mạng → In thử từ máy tính khác trong mạng.
- B. Bật tính năng chia sẻ thư mục trên máy tính muốn chia sẻ → Chọn thư mục cần chia sẻ → Thiết lập quyền truy cập cho người dùng → Chia sẻ thư mục.

- C. Mở File Explorer trên máy tính → Nháy chọn vào Network → Nháy chọn vào tên máy tính chứa thư mục được chia sẻ → Nháy chọn vào tên thư mục được chia sẻ.
- D. Bật Wi-fi trên máy tính → Tìm và chọn mạng Wi-fi tương ứng với Access Point → Nhập mật khẩu (nếu có) → Nhấn chọn kết nối.

Câu 3: Gia đình em có hai máy tính và một máy in. Bố em có tìm trên Internet và đọc được các thông tin hướng dẫn như sau:

Cài đặt driver máy in trên máy tính A → Cài đặt chế độ chia sẻ máy in trên máy tính A → Cài đặt driver máy in trên máy tính B → Thêm máy in đã chia sẻ trên máy tính B.

Em hãy làm theo và giải thích cho bố quy trình trên thực hiện công việc gì sau đây.

- A. Chia sẻ thư mục ở máy tính A để máy tính B có thể dùng chung.
- B. Chia sẻ thư mục ở máy tính B để máy tính A có thể dùng chung.
- C. Chia sẻ máy in được kết nối với máy tính A để máy tính B có thể dùng chung.
- D. Chia sẻ máy in được kết nối với máy tính B để máy tính A có thể dùng chung.

Câu 4: Một bạn học sinh cần thực hiện in bài làm của mình thông qua một máy in đã được chia sẻ trong mạng LAN ở phòng thực hành Tin học. Các bước bạn học sinh đã thực hiện bao gồm:

Bước 1: Kết nối máy tính vào mạng phù hợp.

Bước 2: Tìm máy in trong mạng.

Bước 3: Thêm máy in.

Bước 4:

Bước 5: Kiểm tra kết nối và in thử.

Phương án nào sau đây là phù hợp nhất để điền vào Bước 4?

- A. Kết nối máy tính với Access Point.
- B. Lựa chọn thư mục cần chia sẻ.
- C. Cài đặt driver máy in (nếu chưa cài đặt).
- D. Đặt máy tính gần máy in.

Câu 5: Trong phòng thực hành Tin học giáo viên có dán một tờ hướng dẫn trên tường với nội dung như sau: Kết nối máy tính vào mạng phù hợp → Tìm máy in trong mạng → Thêm máy in → Cài đặt driver máy in → Kiểm tra kết nối và in thử.

Các bước trên cần được bổ sung tên gọi của quy trình để dễ dàng cho học sinh theo dõi và thực hiện theo khi cần. Phương án nào sau đây là phù hợp để đặt tên?

- A. Hướng dẫn cài đặt phần mềm in trên máy tính và thiết lập máy in.
- B. Hướng dẫn kết nối và sử dụng máy in đã được chia sẻ trong mạng.
- C. Hướng dẫn cài đặt chia sẻ máy in trong mạng LAN.
- D. Hướng dẫn kết nối và sử dụng Access Point.

Câu 6: Mệnh đề nào sau đây là đúng khi nói về việc chia sẻ tệp và thư mục giữa các máy tính trong một mạng?

- A. Máy tính cần được kết nối với cùng một mạng Wi-fi để có thể chia sẻ tệp và thư mục.
- B. Việc chia sẻ tệp và thư mục có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các tính năng tích hợp sẵn trong hệ điều hành như Windows Sharing.
- C. Việc chia sẻ tệp và thư mục cần phải được thực hiện bằng cách sử dụng các dịch vụ lưu trữ đám mây như Google Drive hoặc Dropbox.
- D. Mọi người dùng trong mạng đều có thể truy cập, chỉnh sửa tệp và thư mục được chia sẻ mà không cần bất kỳ quyền hạn nào.

Câu 7: Trong phòng thực hành Tin học có các máy tính (sử dụng hệ điều hành Windows) đã được kết nối với nhau thành một mạng LAN. Bạn học sinh A đã chia sẻ thư mục để làm việc nhóm cùng bạn học sinh B. Các bước nào sau đây là phù hợp để bạn học sinh B truy cập đến thư mục đã được chia sẻ của bạn học sinh A trong mạng LAN?

- A. Gửi email đến người quản trị mạng yêu cầu quyền truy cập → Đợi phản hồi từ người quản trị mạng → Nhận thông tin đăng nhập → Nháy chọn vào tên thư mục được chia sẻ.
- B. Mở File Explorer trên máy tính → Nháy chọn vào Network → Nháy chọn vào tên máy tính chứa thư mục chia sẻ → Nháy chọn vào tên thư mục được chia sẻ.
- C. Bật Bluetooth trên máy tính → Tìm kiếm các thiết bị gần → Đăng nhập với tên người dùng và mật khẩu (nếu có) → Nháy chọn vào tên thư mục được chia sẻ.
- D. Sử dụng ứng dụng di động để quét mã QR trên máy chủ chứa thư mục → Đăng nhập vào ứng dụng → Nháy chọn vào tên thư mục được chia sẻ.

Câu 8: Mệnh đề nào sau đây là SAI khi nói về việc kết nối máy tính và Access Point?

- A. Access Point cần được kết nối với Router hoặc Modem để cung cấp truy cập Internet.
- B. Máy tính có thể kết nối với Access Point bằng cáp Ethernet hoặc Wi-fi.
- C. Access Point có thể cung cấp kết nối Internet cho nhiều máy tính cùng lúc.
- D. Tất cả Access Point khi truy cập đều cần mật khẩu.

Câu 9: Một bạn học sinh cần thiết lập máy tính của mình thành máy cung cấp dịch vụ in cho các máy tính của các bạn khác trong phòng máy. Các bước bạn học sinh đã thực hiện bao gồm:

Bước 1: Kết nối máy in với máy tính.

Bước 2: Cấu hình chia sẻ máy in.

Bước 3:

Bước 4: In thử từ máy tính khác trong mạng.

Phương án nào sau đây là phù hợp nhất để điền vào Bước 3?

- A. Kết nối với Bluetooth.
- B. Cài đặt phần mềm diệt virus.
- C. Chia sẻ thư mục.
- D. Kết nối với mạng.

Câu 10: Trong một phòng máy ở một công ty, người quản lý muốn chia sẻ một thư mục trong đó chứa các thông báo và quyết định để nhân viên có thể xem được. Chế độ phân quyền nào sau đây là phù hợp nhất khi chia sẻ thư mục trong tình huống trên?

- A. Full Control.
- B. Read.
- C. Không cần cài đặt chế độ.
- D. Change

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Những nhận định dưới đây là Đúng hay Sai khi nói về Router và Switch?

- a) Router có khả năng kết nối và chuyển tiếp dữ liệu giữa các mạng LAN khác nhau.
- b) Switch chỉ có thể kết nối các thiết bị trong cùng một mạng LAN.
- c) Router và Switch đều có chức năng xác định đường đi cho gói tin trong mạng.
- d) Switch không thể hoạt động nếu không có Router.

Câu 2: Những nhận định dưới đây là Đúng hay Sai khi nói về Modem trong mạng máy tính?

- a) Modem là thiết bị điều chế và giải điều chế tín hiệu giữa thiết bị người dùng và nhà cung cấp dịch vụ Internet.
- b) Modem luôn cần được kết nối với Router để hoạt động.
- c) Modem thường được tích hợp các chức năng của Router và Access Point trong các thiết bị hiện đại.
- d) Modem chỉ hoạt động với tín hiệu số hóa.

BÀI 22 - THỰC HÀNH KẾT NỐI CÁC THIẾT BỊ SỐ

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Các thiết bị nào sau đây KHÔNG phải là thiết bị số?

- A. Vòng đeo tay thông minh.
- B. Kính bảo hộ.
- C. Laptop.
- D. Kính thực tế ảo.

Câu 2: Vòng đeo tay thông minh dùng để:

- A. Theo dõi sức khỏe.
- B. Cảnh báo thiên tai.
- C. Dự báo thời tiết.
- D. Hỗ trợ lái xe.

Câu 3: Nhà thông minh là loại nhà được trang bị các thiết bị và hệ thống công nghệ thông minh, có thể được kết nối và điều khiển từ xa qua

- A. Internet.
- B. Bluetooth.
- C. cáp tín hiệu.
- D. mạng LAN

Câu 4: Chọn phương án trả lời SAI. Các thiết bị số có thể kết nối với nhau bằng

- A. kết nối có dây ở khoảng cách xa.
- B. kết nối không dây ở khoảng cách gần.
- C. kết nối có dây ở khoảng cách gần.
- D. kết nối không dây ở khoảng cách xa.

Câu 5: Quan sát hình bên dưới và chọn phương án trả lời đúng nhất.



A. Cáp 1 và cáp 2 đều là cáp HDMI.

B. 1-là cáp HDMI, 2-là cáp VGA.

C. Cáp 1 và cáp 2 đều là cáp VGA.

D. 1-là cáp VGA, 2-là cáp HDMI.

Câu 6: Thương hiệu nào sau đây là thương hiệu đồng hồ thông minh?

A. Sony.

B. Sunhouse.

C. Intel.

D. Apple.

Câu 7: Phần mềm nào sau đây KHÔNG phải là phần mềm nhà thông minh?

A. My Home.

B. Mi Home.

C. Vhome.

D. FPT life.

Câu 8: Thiết bị nào sau đây là thiết bị hiển thị?

A. Camera.

B. Máy in.

C. Bảng LED.

D. Đồng hồ thông minh.

Câu 9: Để thực hiện truyền tệp từ máy tính qua điện thoại bằng Bluetooth đã kết nối, chọn dòng lệnh nào trong cửa sổ bên dưới?

A. Dòng 4.

B. Dòng 1.

C. Dòng 3.

D. Dòng 2.



Câu 10: Khi nhấn tổ hợp

lập chế độ hiển thị như hình bên dưới. Nếu muốn màn hình máy tính và màn hình mở rộng hiển thị giống nhau thì chọn dòng nào?

A. Dòng 1.

B. Dòng 4.

C. Dòng 3.

D. Dòng 2.

phím Windows + P sẽ xuất hiện giao diện thiết



PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Chọn đúng hoặc sai cho các ý sau đây về thiết bị số và kết nối thiết bị số:

a) Các thiết bị hiển thị như TV và máy chiếu cho phép hiển thị hình ảnh và văn bản, và chúng thường kết nối qua cổng VGA hoặc HDMI.

b) Công nghệ Bluetooth chỉ truyền dữ liệu âm thanh, không truyền dữ liệu hình ảnh.

c) Nhà thông minh (Smart Home) có thể điều khiển các thiết bị từ xa qua Wi-Fi hoặc Bluetooth.

d) Để kết nối thiết bị thông minh với Internet, cần thực hiện việc đăng ký thiết bị lên đám mây và cập nhật trạng thái của thiết bị vào cơ sở dữ liệu.

Câu 2: Chọn đúng hoặc sai cho các ý sau đây về các nhiệm vụ thực hành:

- a) Chế độ "Extend" cho phép bạn kéo cửa sổ ứng dụng từ màn hình máy tính sang màn hình mở rộng để có thêm không gian làm việc.
- b) Để kết nối máy tính với điện thoại qua Bluetooth, bạn cần phải bật Bluetooth trên máy tính và điện thoại, sau đó ghép đôi thiết bị.
- c) Chế độ "Duplicate" trên màn hình mở rộng chỉ hiển thị hình ảnh từ màn hình máy tính chính trên màn hình mở rộng mà không thay đổi gì.
- d) Để thiết lập chế độ hẹn giờ cho công tắc đèn trong nhà thông minh, bạn không cần cài đặt phần mềm điều khiển trên điện thoại.

Câu 3: Cổng kết nối nào sau đây thường được sử dụng để kết nối thiết bị hiển thị với máy tính?

- A. VGA
- B. HDMI
- C. Bluetooth
- D. Ethernet

BÀI 6 - GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ TRONG KHÔNG GIAN MẠNG

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 10. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1: Không gian mạng là môi trường được tạo ra nhờ các mạng máy tính. Giao tiếp trong không gian mạng có nhiều ưu điểm song cũng tiềm ẩn những ... đòi hỏi người dùng phải biết ứng xử đúng cách. Điền cụm từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. điểm mạnh
- B. lợi thế
- C. nhược điểm
- D. ưu thế

Câu 2: Cách làm nào dưới đây phù hợp với tính nhân văn khi giao tiếp trong không gian mạng?

- A. Chê bai việc làm của người khác.
- B. Chia sẻ thông tin cá nhân của người khác mà không được phép.
- C. Tôn trọng ý kiến và quan điểm của người khác.
- D. Sử dụng từ ngữ thô tục và xúc phạm để thể hiện sự bất bình.

Câu 3: Khi giao tiếp trong không gian mạng, nên dùng hành động nào sau đây?

- A. Liên tục gửi các tin nhắn vô thưởng vô phạt cho người khác.
- B. Chia sẻ các thông tin về thành công của bạn bè, các tấm gương sống đẹp,...
- C. Nói xấu hoặc đe dọa người khác trên mạng xã hội.
- D. Chia sẻ thông tin cá nhân của người khác mà không được phép.

Câu 4: Quan sát 2 hình bên dưới và chọn câu trả lời đúng nhất.



Hình 6.3.



Hình 6.4.

trong môi trường

- A. Hình 6.3 và Hình 6.4 - đều là ứng xử nhân văn mạng.
- B. Hình 6.3 và Hình 6.4 - đều là hình thành thói quen ứng xử nhân văn.
- C. Hình 6.3- Hình thành thói quen ứng xử nhân văn; Hình 6.4- Ứng xử nhân văn trong không gian mạng.
- D. Hình 6.3-Ứng xử nhân văn trong không gian mạng; Hình 6.4-Hình thành thói quen ứng xử nhân văn.

Câu 5: Chọn một ưu điểm khi giao tiếp trong không gian mạng.

- A. Ẩn chứa nhiều nguy cơ về bảo mật và quyền riêng tư
- B. Thiếu kết nối quan hệ cá nhân chặt chẽ
- C. Thiếu tín hiệu phi ngôn ngữ

D. Tiết kiệm thời gian và chi phí

Câu 6: Chọn một nhược điểm khi giao tiếp trong không gian mạng.

- A. Công cụ giao tiếp đa dạng
- B. Dễ bị ảnh hưởng bởi sự cố kỹ thuật
- C. Tiết kiệm thời gian và chi phí
- D. Mở rộng kết nối xã hội

Câu 7: Không gian mạng (còn được gọi là thế giới ảo) là môi trường được tạo ra nhờ sử dụng mạng máy tính, trong đó ... có thể được coi là không gian mạng lớn nhất. Điền từ còn thiếu vào dấu ba chấm.

- A. Internet
- B. Facebook
- C. LAN
- D. Zalo

Câu 8: Phần mềm nào sau đây không hỗ trợ giao tiếp trong không gian mạng?

- A. Microsoft Teams
- B. Zoom
- C. Microsoft Word
- D. Zalo

Câu 9: Ưu điểm của giao tiếp trong không gian mạng là:

- A. Thuận tiện; tiết kiệm thời gian và chi phí; thu hẹp kết nối xã hội; công cụ giao tiếp đa dạng.
- B. Thuận tiện; tốn thời gian và chi phí; mở rộng kết nối xã hội; công cụ giao tiếp đa dạng.
- C. Thuận tiện; tiết kiệm thời gian và chi phí; mở rộng kết nối xã hội; công cụ giao tiếp đa dạng.
- D. Bất tiện; tiết kiệm thời gian và chi phí; mở rộng kết nối xã hội; công cụ giao tiếp đa dạng.

Câu 10: Nhược điểm của giao tiếp trong không gian mạng là:

- A. Thiếu tín hiệu phi ngôn ngữ; ẩn chứa nhiều nguy cơ về bảo mật và quyền riêng tư; thiếu kết nối quan hệ cá nhân chặt chẽ; dễ bị ảnh hưởng bởi sự cố kỹ thuật.
- B. Tăng tín hiệu phi ngôn ngữ; ẩn chứa nhiều nguy cơ về bảo mật và quyền riêng tư; thiếu kết nối quan hệ cá nhân chặt chẽ; dễ bị ảnh hưởng bởi sự cố kỹ thuật.
- C. Thiếu tín hiệu phi ngôn ngữ; ẩn chứa nhiều nguy cơ về bảo mật và quyền riêng tư; kết nối quan hệ cá nhân chặt chẽ; dễ bị ảnh hưởng bởi sự cố kỹ thuật.
- D. Thiếu tín hiệu phi ngôn ngữ; đảm bảo về bảo mật và quyền riêng tư; thiếu kết nối quan hệ cá nhân chặt chẽ; dễ bị ảnh hưởng bởi sự cố kỹ thuật.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 và câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Trong các trường hợp sau trường hợp nào không phải là sự thể hiện của việc ứng xử nhân văn trong không gian mạng?

- a) Đưa lên mạng ảnh chụp bạn trong một tư thế không đẹp.
- b) Chụp đoạn nhật ký của bạn (viết về những điều bạn không hài lòng về một bạn cùng lớp) rồi gửi cho các bạn khác.
- c) Sử dụng những ngôn từ khiếm nhã khi phê phán bạn trên mạng xã hội.
- d) Ngăn không cho bạn gửi lên mạng video quay cảnh hai bạn trong lớp đánh nhau.

Câu 2: Trong tình huống dưới đây, theo em đâu là các tình huống sử dụng giao tiếp trong không gian mạng?

- a) Hẹn gặp bạn tại một quán cà phê internet.
- b) Tham gia một lớp học trực tuyến.
- c) Hai người bạn gọi điện thoại video (FaceTime).
- d) Giao tiếp với một trợ lý ảo (chatbot) trên trang web tuyển sinh của một trường đại học.

**MA TRẬN ĐỀ THI GIỮA KÌ I TIN HỌC 12
NĂM HỌC 2024 – 2025**

TT	Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng số câu (lệnh hỏi)
			TNKQ			TNĐS			
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	
1	Chủ đề 1: Máy tính và xã hội tri thức	1. Làm quen với Trí tuệ nhân tạo	1	1	1	(2)	(1)	(1)	7 (10)
		2. Trí tuệ nhân tạo trong khoa học và đời sống	1	1	1				
2	Chủ đề 2: Mạng máy tính và Internet	3. Một số thiết bị mạng thông dụng	1	1	1	(2)	(1)	(1)	12 (15)
		4. Giao thức mạng	2	2	1				
		5. Thực hành chia sẻ tài nguyên trên Internet	1	1	1				
3	Chủ đề 6: Máy tính và xã hội tri thức	6. Thực hành kết nối các thiết bị số	1	1	1	(2)	(1)	(1)	4(7)
4	Chủ đề 3: Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	7. Giao tiếp và ứng xử trong không gian mạng	1	1	2	(2)	(1)	(1)	5(8)
Tổng số câu (lệnh hỏi)			8 (8)	8 (8)	8 (8)	(8)	(4)	(4)	
Tổng điểm			6			4			10

Ghi chú:

- Mỗi câu hỏi trong phần TNKQ tương ứng với một lệnh hỏi.
- Mỗi ý trong phần TNĐS là một lệnh hỏi.
- Đề gồm 28 câu hỏi tương ứng với 40 lệnh hỏi.

- Hết -